

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2024/DS-ST

Ngày: 05-8- 2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hiện

2. Ông Lê Văn Tài

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm: 1989. Địa chỉ: 26/4 ấp TL, xã BT, huyện TP, tỉnh BT

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Nguyễn Văn C, sinh năm 1979. Địa chỉ: 53/6 ấp TM, xã MA, huyện TP, tỉnh BT. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Tống Quang T, sinh năm: 1978. Nơi cư trú: 7/2, ấp QĐA, xã QĐ, huyện TP, tỉnh BT (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền nguyên đơn - ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ngày 14/4/2023 bà Nguyễn Thị Quỳnh H có cho ông Tống Quang T vay số tiền 350.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay một háng trả, lãi xuất hai bên tự thỏa thuận, hợp đồng vay được công chứng tại văn phòng công chứng huyện Thanh Phú. Sau đó ông Trung không có trả tiền

vay và tiền lãi theo cam kết nên hai bên có ký lại số tiền nợ nội dung ông T vay bà H số tiền 450.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi vào ngày 03/8/2023.

Trước đây nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tống Quang T có nghĩa vụ trả số tiền gốc 450.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Tống Quang T có nghĩa vụ trả số tiền 350.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 14/4/2023, không yêu cầu ông Trung trả tiền lãi.

Quá trình tố tụng ông Tống Quang T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H yêu cầu bị đơn ông Tống Quang T trả tiền vay nên xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Tống Quang T có nơi cư trú tại 7/2 ấp QĐA, xã QĐ, huyện TP, tỉnh BT nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Tống Quang T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H yêu cầu bị đơn Tống Quang T có nghĩa vụ trả số tiền 350.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 14/4/2023 và không yêu cầu ông T trả tiền lãi.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H với bị đơn ông Tống Quang T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Khi khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H cung cấp 01 hợp đồng vay tiền được xác lập ngày 14/4/2023 được chứng thực tại Văn phòng công chứng Thanh Phú có nội dung ông Tống Quang T vay của bà Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền 350.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Tống Quang T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời Tòa án ban hành thông báo giao nộp chứng cứ số 689/2024/TB-TA ngày 16/4/2024 đã tổng đạt hợp lệ cho ông Tống Quang T yêu cầu ông Tống Quang T nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện và hợp đồng vay tiền xác lập ngày 14/4/2023 được chứng thực tại Văn phòng công chứng Thanh Phú giữa ông T và bà H nhưng ông T không có văn bản nêu không nêu ý kiến đối với nội dung khởi kiện và hợp đồng vay tiền trên. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung hợp đồng vay tiền được xác lập ngày 14/4/2023 và được chứng thực tại Văn phòng công chứng Thanh Phú trên thể hiện ông Tống Quang T có vay của bà Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền 350.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H là có căn cứ nên được chấp nhận. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu tính lãi đối với tiền nợ.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H đối với bị đơn ông Tống Quang T. Buộc ông Tống Quang T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền 350.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh H được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003572 ngày 23/01/2024.

Ông Tổng Quang T có nghĩa vụ nộp 17.500.000 đồng.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (2b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú(1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thúy